

ĐỒ GỒM DI CHỈ VƯỜN CHUỐI KHAI QUẬT NĂM 2019 - 2021: TƯ LIỆU VÀ NHẬN THỨC

NGUYỄN ANH THU*

Mở đầu

Khu di tích khảo cổ học Vườn Chuối phân bố tập trung trên một khu vực gồm các gò đất Vườn Chuối, Dền Rắn, Mỏ Phượng thuộc làng Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, Hà Nội (Hình 1). Khu di tích được phát hiện và nghiên cứu từ năm 1969, đến nay đã có 10 đợt thăm dò, khai quật (2001, 2009, tháng 6-7/2011, tháng 12/2011, tháng 12/2012, tháng 12/2013, tháng 12/2014, tháng 6/2019 và 2020-2021). Kết quả nghiên cứu đã thu được nhiều loại hình di tích, di vật đa dạng, góp phần xác định Vườn Chuối là một phức hệ văn hóa phát triển liên tục qua các giai đoạn Đồng Đậu - Gò Mun - Đông Sơn (Nguyễn Thị Thanh Dịu và nnk 2012: 159-160; Lâm Mỹ Dung và nnk 2011: 154-156; Lâm Mỹ Dung và nnk 2015: 148-152; Bùi Văn Liêm và nnk 2021).



1



2

Hình 1. Di chỉ Vườn Chuối (1. Toàn cảnh di chỉ; 2. Bản vẽ vị trí mở hố khai quật) (Nguồn: Viện KCH)

Bài viết nghiên cứu nhóm đồ gốm từ hai đợt khai quật năm 2019 và 2020-2021 qua các đặc điểm loại hình, chất liệu, hoa văn và kỹ thuật tạo tác, từ đó rút ra những nhận thức về diễn tiến của đồ gốm và vai trò của nghề làm gốm trong đời sống của cư dân Vườn Chuối kéo dài từ thời Tiền Đông Sơn đến Đông Sơn.

*Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

1. Loại hình

Qua hai đợt thăm dò, khai quật tại Vườn Chuối năm 2019 và 2020-2021 đã thu được 1.318 hiện vật gốm và 272.934 mảnh gốm vụn (143.592 mảnh gốm Tiền Đông Sơn và 129.342 mảnh gốm Đông Sơn).

1.1. Loại hình hiện vật gốm

Trong 1.318 hiện vật gốm, gồm 883 hiện vật khai quật năm 2019 và 435 hiện vật khai quật năm 2020, thuộc các nhóm công cụ sản xuất (dội se sợi, mảnh khuôn đúc, mảnh nồi nấu đồng, chì lưới...), đồ trang sức (mảnh vòng, hạt chuỗi) và một số hiện vật như vôi, tai, núm, chân chạc, bi, mảnh gốm/cục đất nung dính xi đồng...) (Bảng 1).

Bảng 1. Thống kê các loại hình hiện vật gốm

Tên hiện vật		Năm 2019					Năm 2020				Tổng
		Sưu tầm	H1	H2	Hố TD	Σ	H1	H2	H3	Σ	
I. Công cụ sản xuất						40				21	61
1.1	Dội se sợi	0	3	8	12	23	5	0	3	8	31
1.2	Khuôn đúc	3	2	2	7	14	2	0		2	16
1.3	Chì lưới	1	0	1	1	3					3
1.4	Mảnh nồi nấu đồng						11	0	0	11	11
II. Đồ trang sức						1				1	2
2.1	Mảnh vòng	0	0	1	0	1					1
2.2	Hạt chuỗi						1	0	0	1	1
III. Các loại hình khác						839				413	1252
3.1	Bi gốm	0	11	7	17	35	9	0	4	13	48
3.2	Vôi gốm	0	0	2	0	2	1	0	0	1	3
3.3	Tai gốm	0	15	0	2	17	1	0	0	1	18
3.4	Quai gốm	0	6	1	56	63					63
3.5	Chân/mảnh chân chạc	0	13	6	274	293	64	26	121	211	504
3.6	Núm gốm	0	2	0	1	3	2	0	1	3	6
3.7	Thỏi gốm	0	36	84	198	318	68	43	4	115	433
3.8	Mảnh gốm ghè tròn	0	0	1	2	3					3
3.9	Mảnh gốm dính xi đồng	5	20	3	77	105	17	1	4	22	127
3.10	Đất nung dính xi đồng						44	3	0	47	47
Tổng		9	108	116	647	880	225	73	137	435	1315

- Dội se sợi: 31 chiếc, làm từ gốm thô pha cát, xương gốm màu đen, xám đen, xám hồng; có các dạng mặt cắt hình trụ nhỏ dần về phía hai đầu, hình thang, hình thoi, hình nón cụt, hai hình nón cụt úp vào nhau; đường kính thân 2,3-3,1cm, lỗ se sợi đường kính 0,4-0,7cm.

- Mảnh khuôn đúc: 16 mảnh, bao gồm nhiều dạng khuôn đã bị vỡ nát, một số mảnh xác định được loại hình có khuôn đúc riu, khuôn đúc lưới câu... tương tự như các loại khuôn đúc đồng bằng đá cát. Liên quan đến những mảnh khuôn đúc và nghề đúc đồng, ở Vườn Chuối còn thu được một số vết tích của mảnh nồi nấu đồng (11 mảnh), mảnh gốm dính xi đồng (127 mảnh) và mảnh đất nung dính xi đồng (47 mảnh).

- Chi lưới: 03 chiếc, trong đó 2 chiếc hình quả nhót, 1 chiếc hình số 8. Chiếc nguyên có chiều dài 6cm, thân có lỗ sâu dây lưới, đường kính lỗ nhỏ nhất 0,5cm.

- Đồ trang sức: 1 mảnh vòng ở hồ H2 năm 2019 và 1 hạt chuỗi ở hồ H1 năm 2020.

- Bi gốm: 48 viên, đa số còn nguyên, có hình tròn hoặc gần tròn, kỹ thuật nặn tay, đường kính trung bình khoảng 1,3-1,7cm.

- Chạc gốm: 504 chiếc và mảnh chạc, với những kích thước, hình dáng khác nhau như hình chân giò, hình trụ... thân chạc được xử lý hai dạng thân rỗng và thân đặc; gốm thô hoặc rất thô, màu xám đen, xám trắng hoặc xám hồng. Trên một số mảnh chân chạc được trang trí văn thừng đập theo chiều ngang hoặc dọc.

- Mảnh gốm ghè tròn: 3 mảnh, là mảnh vỡ của đồ gốm được ghè tròn một cách có chủ ý với đường kính 3,5-3,7cm. Có 1 mảnh được đục lỗ giữa đường kính 0,5cm.

- Thỏi gốm: 433 mảnh, là các dải đất được vê tròn, dài, giống con trạch đất trong quá trình làm gốm.

- Các đợt khai quật còn thu thập các mảnh: vôi có lỗ giữa (3 mảnh), tai nôi (18 mảnh), quai cầm (63 mảnh), núm vung (6 mảnh)... của đồ gia dụng nhưng có lưu dấu vết kỹ thuật.



Hình 2. Một số hiện vật gốm
(Nguồn: Tác giả)

1.2. Loại hình đồ gốm gia dụng

1.2.1. Loại hình đồ gốm gia dụng Tiền Đông Sơn

Gốm Tiền Đông Sơn thu được 143.592 mảnh (năm 2019: 90.715 mảnh và năm 2020: 52.877 mảnh), chiếm tỷ lệ 52,16% tổng số mảnh gốm thu được từ 2 đợt khai quật. Mảnh thân đồ gốm chiếm số lượng nhiều nhất với 123.723 mảnh (chiếm tỷ lệ 86,16% tổng số mảnh gốm Tiền Đông Sơn), mảnh miệng 17.084 mảnh (chiếm tỷ lệ 11,9%) và mảnh chân đế có số lượng không đáng kể với 2.785 mảnh (chiếm tỷ lệ 1,94%) (Bảng 2).

Bảng 2. Thống kê mảnh gốm Tiền Đông Sơn

Năm KQ - Hồ KQ		Miệng	Thân	Chân đế	Tổng mảnh	Trọng lượng
Năm 2019	Hồ 1	2553	13604	227	16384	
	Hồ 2	2774	10011	447	13232	
	Các hồ TD	7280	53091	728	61099	
Σ		12607	76706	1402	90715	
Tỷ lệ %		8,78	53,42	0,98	63,18	
Năm 2020	Hồ 1	2798	18556	848	22202	150.85
	Hồ 2	1083	6847	402	8332	66.83
	Hồ 3	596	21614	133	22343	74.6
Σ		4477	47017	1383	52877	
Tỷ lệ %		3,12	32,74	0,96	36,82	
Tổng các đợt KQ		17084	123723	2785	143592	
Tỷ lệ %		11,90	86,16	1,94	100,00	

*Mảnh miệng gốm tiền Đông Sơn: Căn cứ vào những đặc điểm tổng hợp về hình dáng và dấu hiệu đặc trưng, chúng được chia thành ba loại cơ bản: miệng loe, miệng đứng và miệng khum với 26 kiểu dáng miệng khác nhau. Trong tổng số 17.084 mảnh miệng, có 5.995 mảnh có thể phân loại loại hình, chiếm tỷ lệ 35,09% tổng số mảnh miệng gốm tiền Đông Sơn; số còn lại 11.089 mảnh, chiếm tỷ lệ 64,91%, là những mảnh vỡ nhỏ không thể xác định loại hình (Bảng 3).

- Mảnh miệng loe (LI): 5.875 mảnh, chiếm 31,8% tổng số mảnh miệng gốm Tiền Đông Sơn, gồm nhiều kiểu dáng, kích thước khác nhau như miệng loe bé ngang, loe xiên, loe vát, loe cong/loe ưỡn... Có thể chia thành 18 kiểu dáng sau:

Miệng LI.k1: 519 mảnh, miệng loe bé ngang gãy góc, thành miệng nằm ngang, thân thuôn dần xuống đáy, đường kính miệng 22-25cm. Mép miệng dày, vê tròn, bên trong được vuốt tạo thành rãnh lõm ở sát mép, bản miệng rộng từ 2-3cm trang trí hoa văn khắc vạch kiểu Gò Mun - văn chấm cuống rạ hoặc chấm cuống rạ kết hợp với khắc vạch hình học. Bên ngoài thành miệng có đường gờ nổi cách mép miệng 2cm. Đây là kiểu miệng chuyển tiếp từ Đồng Đậu sang Gò Mun, kiểu miệng của dạng nôi, bình.

Miệng LI.k2: 2.702 mảnh, miệng loe bé ngang gãy góc, mép miệng vê tròn, ở giữa mép miệng có một đường rãnh lõm xuống, bản miệng rộng từ 3-4cm, được trang trí hoa văn khắc vạch những đường chéo kết hợp với những chấm tròn, hoa văn dạng chữ S biến thể đặc trưng kiểu Gò Mun; đường kính miệng từ 22-24cm.

Miệng LI.k3: 205 mảnh, miệng loe bé ngang gãy góc, mép vê tròn, hơi vát ra phía ngoài, thành miệng dày, một số mảnh mép miệng trang trí văn thừng kiểu xương cá, văn in chấm cuống rạ, đường kính miệng từ 15-18cm. Bên trong thành miệng lõm lòng máng. Phía ngoài có đường gờ nổi cách mép miệng 2cm. Thành miệng trong được trang trí hoa văn khắc vạch những đường chéo kết hợp với văn in chấm cuống rạ.

Miệng LI.k4: 296 mảnh, miệng loe ưỡn, mép vê tròn hơi vát lên, bên trong mép miệng được vuốt tạo gờ, bản miệng rộng từ 2,5-3cm, không trang trí hoa văn. Bên ngoài thành miệng có đường gờ nổi cách mép miệng 0,5-1cm.

Miệng LI.k5: 165 mảnh, miệng loe ưỡn, mép vê tròn hơi vát lên, bản miệng rộng từ 2-2,5cm, trang trí hoa văn in hình hạt, khắc vạch sóng nước, văn khuông nhạc điển hình kiểu Đồng Đậu. Bên ngoài thành miệng có đường gờ nổi cách mép miệng 0,5-1cm, một số mảnh được trang trí văn khắc vạch hình ô trám.

Miệng LI.k6: 757 mảnh, miệng loe ưỡn, mép vê tròn hơi vát lên, bản miệng rộng từ 3-5cm, trang trí hoa văn khắc vạch sóng nước, chữ S biến thể, văn khuông nhạc điển hình kiểu Đồng Đậu. Bên ngoài thành miệng có đường gờ nổi cách mép miệng 0,5-1cm. Đây là kiểu miệng điển hình giai đoạn Đồng Đậu chuyển tiếp sang Gò Mun.

Miệng LI.k7: 132 mảnh, miệng của nôi, bình, cổ cong, miệng loe vát, mép vê tròn hơi vát lên, bản miệng rộng từ 3-5cm, thành miệng không trang trí hoa văn. Đây là kiểu miệng điển hình giai đoạn Đồng Đậu.

Miệng LI.k8: 9 mảnh, miệng loe khum, mép bằng, thành miệng dày hơn thân, bên ngoài và trong bản miệng có rãnh lõm tạo gờ.

Bảng 3. Thống kê mảnh miệng gồm tiền Đông Sơn

Hố		HV	Miếng loc LI																		Miếng đũa LII					Miếng khum LIII			KXĐ	Σ		
			K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8	K9	K10	K11	K12	K13	K14	K15	K16	K17	K18	K1	K2	K3	K4	K5	K1	K2	K3				
Năm 2019	H1	CV	4	23	7	0	79	0	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	30	0	0	0	0	0	0	0	174		
		KV	0	0	0	60	2	189	0	0	0	19	53	1	2	2	1	8	299	55	1	0	0	3	0	0	10	1	1673	2379		
	H2	CV	119	78	5	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	209		
		KV	18	610	0	23	0	49	0	0	136	14	1	0	0	0	0	17	4	21	0	0	0	0	0	0	8	1	1663	2565		
	TD	CV	123	131	107	2	43	1	3	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	4	0	9	0	0	3	0	0	0	428		
		KV	2	826	14	179	9	359	3	5	6	12	13	0	2	16	1	62	52	104	0	1	3	0	4	2	17	0	5160	6852		
	Σ		266	1668	133	264	138	598	36	5	143	45	67	1	4	19	2	87	355	180	5	2	42	3	4	7	35	2	8496	12607		
			4011																			56						44				
		Tỷ lệ %	23.48																			0.33						0.26			49.73	73.79
Năm 2020	H1	CV	149	231	53	1	10	0	28	2	0	0	3	0	0	0	2	4	1	0	0	0	1	0	0	2	0	283	770			
		KV	15	446	0	21	2	85	8	0	0	6	7	3	0	1	0	7	63	3	0	0	0	0	2	2	6	1351	2028			
	H2	CV	53	84	16	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	126	284			
		KV	32	254	2	7	0	10	0	0	1	0	1	0	0	0	1	16	3	0	0	0	0	0	0	0	0	472	799			
	H3	CV	3	6	1	0	13	1	51	0	2	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	51	130			
		KV	1	13	0	2	0	63	9	2	5	2	3	0	0	0	2	50	0	0	0	0	3	0	0	1	0	310	466			
	Σ		253	1034	72	32	27	159	96	4	8	8	14	3	0	1	0	12	134	7	1	0	0	5	1	2	5	6	2593	4477		
			1864																			7						13				
		Tỷ lệ %	10.91																			0.04						0.08			15.18	26.21
Tổng cộng			5875																			63						57			11089	17084
Tỉ lệ %			34.39																			0.37						0.33			64.91	100%

Miệng LI.k9: 151 mảnh, miệng loe gãy, giữa thành miệng và cổ gãy gấp thường tạo thành một góc khoảng 45° , mép miệng bằng hơi vuốt tạo gờ cả bên trong và bên ngoài, bản miệng rộng, bên ngoài cách mép miệng khoảng 0,5cm có đường gờ nổi.

Miệng LI.k10: 53 mảnh, miệng loe ưỡn, mép hơi vát lên, thành miệng mỏng, bản miệng rộng từ 2-3cm, phía ngoài được trang trí hoa văn khắc vạch sóng nước, chữ S biến thể kiểu Đồng Đậu. Đây là kiểu miệng điển hình giai đoạn Đồng Đậu chuyển tiếp sang Gò Mun.

Miệng LI.k11: 81 mảnh, miệng loe vát, mép hơi vát nhọn lên phía trên, thành miệng mỏng, bản miệng rộng từ 1,5-2cm. Bên ngoài có đường gờ nổi nhẹ, cách mép miệng 1cm. Bản miệng được trang trí hoa văn khắc vạch sóng nước, chữ S biến thể kiểu Đồng Đậu. Đây là kiểu miệng điển hình giai đoạn Đồng Đậu chuyển tiếp sang Gò Mun.

Miệng LI.k12: 4 mảnh, miệng loe vát, mép bằng, hơi vát nhọn lên trên, thành miệng mỏng, bản miệng rộng từ 2,5-3cm. Bên ngoài bản miệng được trang trí hoa văn khắc vạch, bên trong không trang trí. Đây là kiểu miệng điển hình giai đoạn Đồng Đậu chuyển tiếp sang Gò Mun.

Miệng LI.k13: 4 mảnh, miệng loe ưỡn, mép tròn hoặc vát, mặt miệng lõm lòng máng, bên ngoài có gờ nổi. Bên trong thành miệng thường không trang trí hoa văn, một số rất ít bên ngoài có trang trí hoa văn khuông nhạc dạng chữ S biến thể.

Miệng LI.k14: 20 mảnh, miệng loe vát, mép bằng hơi vát nhọn lên phía trên, thành miệng mỏng, bản miệng rộng từ 2,5-3cm. Cách mép miệng 2,5-3,5cm phía bên ngoài có 1 đường gờ nổi. Một số mảnh bên ngoài được trang trí hoa văn khắc vạch.

Miệng LI.k15: 2 mảnh, miệng loe vát, mép cong được vẽ tròn, thành miệng mỏng, không trang trí hoa văn.

Miệng LI.k16: 99 mảnh, là kiểu miệng của bình, miệng loe vát, mép nhọn, mặt miệng tương đối phẳng, rộng, thành miệng không trang trí hoa văn.

Miệng LI.k17: 489 mảnh, miệng loe vát, mép vẽ tròn vát ra phía ngoài tạo gờ nổi bên ngoài mép miệng, dưới gờ nổi trang trí văn thừng, thành miệng phẳng không trang trí hoa văn.

Miệng LI.k18: 187 mảnh, là miệng bát bồng. Miệng loe, mép bằng vuốt tràn vào trong tạo thành gờ, một số ít vuốt tràn ra cả phía ngoài, miệng liền thân. Trang trí văn khắc vạch hình học kết hợp in chấm cuống rạ, một số mảnh miệng được trang trí khắc vạch hình ô trám cả bên ngoài và bên trong thành miệng.

- Mảnh miệng đứng (LII): 57 mảnh, chiếm tỷ lệ 0,37% tổng số mảnh miệng gồm Tiền Đông Sơn, với 5 kiểu dáng cơ bản:

Miệng LII.k1: 6 mảnh, là miệng của loại đồ đựng lớn, miệng đứng, mép dày vẽ tròn vào phía trong tạo gờ nhẹ, thành miệng dày ở trên và mỏng dần về phía dưới, bên ngoài thành miệng có gờ nổi nhô cao, trên và dưới gờ nổi được trang trí văn khắc vạch khuông nhạc hình sóng nước.

Miệng LII.k2: 2 mảnh, miệng đứng, thành dày, mép bằng hơi vuốt vào trong tạo gờ, miệng liền thân. Bên ngoài thành miệng thường trang trí văn khắc vạch khuông nhạc hình sóng nước, hình ô trám.

Miệng LII.k3: 42 mảnh, miệng đứng, mép dày vê tròn, trên mép miệng trang trí văn thừng kiểu xương cá. Thành miệng mỏng dần xuống phía dưới.

Miệng LII.k4: 8 mảnh, là miệng của loại đồ đựng lớn dạng bình, miệng đứng, mép dày vê tròn vào phía trong tạo gờ nhẹ, bên ngoài thành miệng có gờ nổi nhô cao, xương gốm mỏng dần về phía dưới.

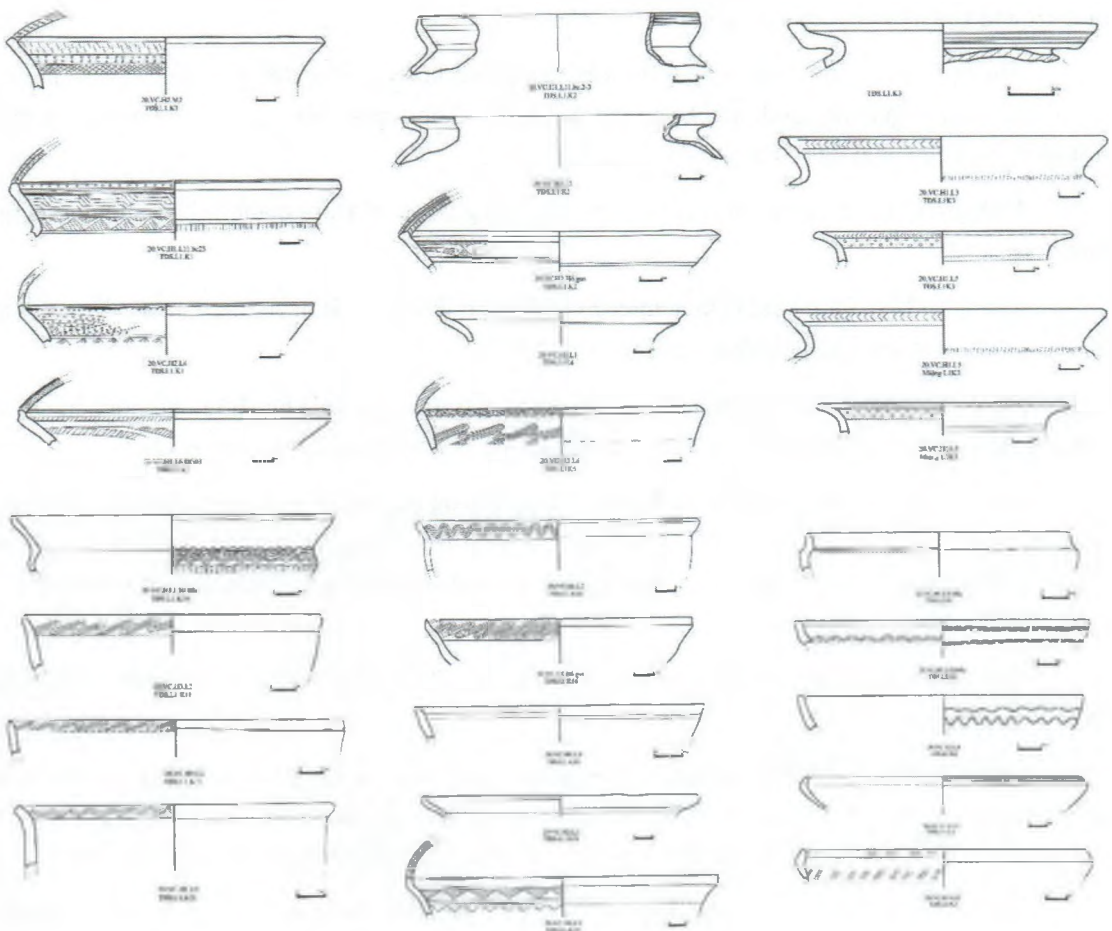
Miệng LII.k5: 5 mảnh, miệng đứng, mép bằng, thành miệng mỏng, bên ngoài trang trí văn khắc vạch hình học.

- Mảnh miệng khum (LIII): 57 mảnh, chiếm tỷ lệ 0,33% tổng số mảnh miệng gốm tiền Đông Sơn, với 3 kiểu khác nhau:

Miệng LIII.k1: 9 mảnh, miệng khum, mép tròn, mép trong miết phẳng mỏng hơn thân, mép ngoài miết thành gờ nổi nhẹ ở sát mép miệng, miệng liền thân, không trang trí hoa văn.

Miệng LIII.k2: 40 mảnh, miệng khum, mép bằng mỏng hơn thân, không trang trí hoa văn.

Miệng LIII.k3: 8 mảnh, miệng khum, mép miệng vát, mép trong miết phẳng có rãnh tạo gờ nổi nhẹ ở sát mép miệng.



Hình 3. Mảnh miệng gốm tiền Đông Sơn (Nguồn: Tác giả)

Sự phong phú của loại hình miệng gốm giai đoạn Tiền Đông Sơn ở Vườn Chuối được thể hiện trên nhiều khía cạnh như độ dày mỏng của miệng, cấu tạo của mép miệng và đặc biệt là hoa văn trang trí trên miệng gốm. Mỗi kiểu miệng lại có những điểm đặc thù, dễ nhận biết. Điển hình như loại miệng gốm đặc trưng giai đoạn Đông Đậu có kiểu dáng chính là loe xiên, một số mảnh có kiểu dáng miệng loe cong giống kiểu miệng Phùng Nguyên (LI.k6, LI.k7). Mép miệng gốm Đông Đậu chủ yếu được vuốt tròn, thành miệng không quá dày và chỉ dày ở gần mép miệng. Hoa văn được trang trí trong - ngoài thành miệng gốm Đông Đậu với các đồ án phong phú, điển hình như văn khắc vạch sóng nước, hoa văn khuông nhạc kiểu chữ S biến thể... Kiểu dáng chính của miệng gốm giai đoạn chuyển tiếp từ Đông Đậu sang Gò Mun (LI.k1, LI.k2) và Gò Mun điển hình (LI.k18) là loe gãy góc, mép miệng được vuốt bằng hoặc tròn, có rãnh ở giữa, có một số mảnh được vuốt lõm tạo lòng máng trong mép miệng (LI.k3). Mép miệng và thành miệng thường được ngăn cách bởi các rãnh được tạo từ kỹ thuật khắc vạch. Trên mép miệng được trang trí hoa văn chủ yếu là văn khắc vạch xương cá, khắc vạch hình học, in chấm cuống rạ. Một số mảnh miệng có độ gãy góc vuông gần 90° độ so với thân (LI.k2).

* Mảnh thân: 123.723 mảnh, chiếm tỷ lệ 86,16% tổng số mảnh gốm Tiền Đông Sơn. Loại này có nhiều kích cỡ lớn nhỏ khác nhau do được thu lượm trong tầng văn hóa. Đa số các mảnh thân gốm có màu xám, xám đen, nâu đỏ và đều là các mảnh vỡ nhỏ.

*Chân đế: 2.785 mảnh, chiếm tỷ lệ 1,94% tổng số mảnh gốm Tiền Đông Sơn, số lượng mảnh không nhiều và đều trong tình trạng bị vỡ, tách khỏi hiện vật ban đầu. Chân đế ở di chỉ Vườn Chuối được chia thành hai loại chính là chân đế choãi và chân đế đứng, trong mỗi loại, dựa vào chiều cao chân đế chúng lại được xếp vào nhóm chân đế cao với loại cao trên 3cm hoặc chân đế thấp với loại cao dưới 3cm. Trong đó, loại choãi, thấp là chân đế của các loại hình nồi, vò hay các loại bình, bát... chiếm số lượng nhiều hơn. Chân đế thường ít được trang trí hoa văn.

1.2.2. Loại hình đồ gốm gia dụng Đông Sơn

Gốm Đông Sơn 129.342 mảnh (năm 2019: 74.301 mảnh và năm 2020: 55.041mảnh), chiếm tỷ lệ 47,39% tổng số mảnh gốm thu được từ các đợt khai quật. Mảnh thân đồ gốm chiếm số lượng nhiều nhất với 119.142 mảnh (92,11% tổng số mảnh gốm Đông Sơn), mảnh miệng 8.237 mảnh (6,37%) và mảnh chân đế có số lượng 1.963 mảnh (1,52%) (Bảng 4).

Bảng 4. Bảng thống kê mảnh gốm Đông Sơn

STT	Hố	Miệng	Thân	Chân đế	Σ	Tỷ lệ %	Kg
Năm 2019	Hố 1	31	2.745	0	2776	2,15	
	Hố 2	3.230	37.944	579	41753	32,28	
	Các hố TD	2.477	26.818	477	29.772	23,02	
Σ		5,738	67.507	1056	74.301		
Tỷ lệ %		4,44	52,19	0,82		57,45	
Năm 2020	Hố 1	1.798	42.453	620	44.871	34,69	152.57
	Hố 2	530	5.539	206	6.275	4,85	49.17
	Hố 3	171	3.643	81	3.895	3,01	34.1
Σ		2499	51.635	907	55.041		235.84
Tỷ lệ %		1,93	39,92	0,70		42,55	
Tổng cộng		8,237	119.142	1.963	129.342		
Tỷ lệ %		6,37	92,11	1,52		100.00	

*Mảnh miệng gốm Đông Sơn: 8.237 mảnh, trong số đó chỉ có 2.988 mảnh có thể phân loại loại hình, chiếm tỷ lệ 36,28% tổng số mảnh miệng gốm Đông Sơn; số còn lại 5.249 mảnh, chiếm tỷ lệ 63,72%, là những mảnh vỡ nhỏ không thể xác định loại hình. Tuyệt đại đa số miệng gốm Đông Sơn là loại miệng loe (LI) với 12 kiểu, chỉ có 1 kiểu miệng đứng (LII) (Bảng 5).

- Mảnh miệng loe (LI): 2.925 mảnh, chiếm tỷ lệ 35,52% tổng số mảnh miệng gốm Đông Sơn, loại miệng này có nhiều kiểu dáng, kích thước khác nhau như miệng loe bẻ ngang, loe xiên, loe khum... với 12 kiểu dáng cụ thể như sau:

Miệng LI.k1: 267 mảnh, là miệng nôi gốm, miệng loe khum hình lòng máng, bản mặt của miệng võng xuống, mép miệng vê vát hướng về bên ngoài, xương gốm khá mỏng chỉ khoảng 0,3-0,4cm, áo gốm màu trắng mốc, xương đen. Đây là kiểu miệng đặc trưng cho loại gốm Đường Cồ.

Miệng LI.k2: 1.701 mảnh, miệng hơi loe, mép vê tròn, có rãnh lõm xuống tạo nên hình lòng máng, mép miệng được tạo hình dày hơn thành miệng. Bên trong sát mép miệng được trang trí 2-3 đường khắc vạch song song, gốm màu vàng nhạt, tráng xám, xương gốm đen.

Miệng LI.k3: 5 mảnh, miệng loe bẻ ngang gãy góc, mép bằng, ở giữa mép miệng có một đường rãnh lõm long máng, bản miệng rộng từ 3-4cm. Xương gốm có màu đen, áo gốm màu xám đen, vàng nhạt.

Miệng LI.k4: 59 mảnh, miệng loe vát, mép miệng được vuốt vát xuống phía dưới, gốm có màu trắng mốc, xương xám mịn. Kiểu hình miệng này xuất hiện phổ biến trong gốm Đồng Đậu và đến giai đoạn Đông Sơn vẫn được sử dụng.

Miệng LI.k5: 106 mảnh, miệng loe xiên, thành miệng xiên hướng ra bên ngoài, mép miệng bằng, ở giữa mép miệng có một đường rãnh lõm lòng máng, bản miệng rộng từ 3-4cm. Xương gốm màu đen, áo gốm màu xám đen pha vàng nhạt.

Miệng LI.k6: 182 mảnh, miệng loe xiên, thành miệng phía trong vuốt thẳng gần mép miệng, mép miệng vuốt bằng, hai mặt bên trong và bên ngoài có màu xám hồng, xương gốm khá dày, màu xám mịn, trong quá trình làm gốm được trộn nhiều cát mịn. Hai mặt thành gần mép miệng có gờ lõm nhỏ do dấu vết của việc sử dụng bàn xoay trong chế tạo đồ gốm.

Miệng LI.k7: 243 mảnh, miệng loe hơi uốn ra nghĩa ngoài, mép miệng vê tròn, bản miệng rộng, cách mép miệng khoảng 2-2,5cm có một gờ nôi.

Miệng LI.k8: 146 mảnh, miệng loe uốn, mép miệng vê tròn, hơi cúp vào bên trong, bản miệng lõm lòng máng, gốm màu xám trắng hoặc vàng nhạt.

Miệng LI.k9: 20 mảnh, miệng loe bẻ ngang gãy góc, mép miệng vê tròn hơi vuốt nhọn lên trên, hơi cúp vào bên trong, bản miệng lõm lòng máng.

Miệng LI.k10: 81 mảnh, miệng loe xiên, mép miệng mỏng hơn bản miệng, vê tròn và bẻ ngả ra bên ngoài.

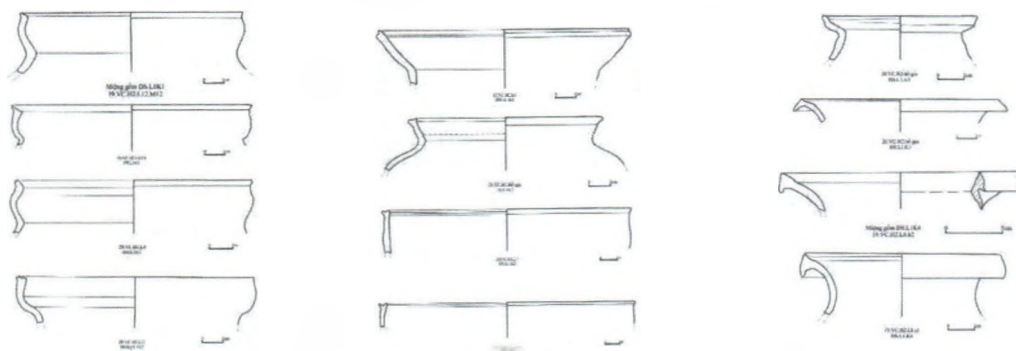
Miệng LI.k11: 80 mảnh, miệng loe gãy, mép miệng vê tròn, bản miệng rộng.

Miệng LI.k12: 35 mảnh, miệng hơi loe, mép vê tròn, cúp vào trong, mép miệng được tạo hình dày hơn thành miệng, cách mép miệng khoảng 1-1,5cm có gờ nhô cao.

Bảng 5. Thống kê mảnh miệng gồm Đông Sơn

Hố			Miếng loe LI												Miếng đứng LII	KXĐ	Σ	Tỉ lệ %
			K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8	K9	K10	K11	K12				
Năm 2019	H1	CV	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		KV	0	5	2	0	0	0	5	1	0	0	0	3	3	12	31	0.38
	H2	CV	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		KV	162	1074	0	37	46	80	145	98	13	67	29	7	37	1435	3230	39.21
	TD	CV	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		KV	68	221	0	6	15	69	53	30	1	11	31	2	15	1955	2477	30.07
	Σ		230	1300	2	43	61	149	203	129	14	78	60	12	55	3402	5738	
	Tỉ lệ %		2.79	15.78	0.02	0.52	0.74	1.81	2.46	1.57	0.17	0.95	0.73	0.15	0.67	41.30		69.66
Năm 2020	H1	CV	1	48	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	139	190	2.31
		KV	29	288	2	14	37	24	30	13	4	2	15	18	6	1126	1608	19.52
	H2	CV	0	5	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	99	105	1.27
		KV	6	57	0	2	6	6	5	2	2	0	5	5	0	329	425	5.16
	H3	CV	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11	11	0.13
		KV	1	3	0	0	0	3	5	2	0	1	0	0	2	143	160	1.94
	Σ		37	401	3	16	45	33	40	17	6	3	20	23	8	1847	2499	
	Tỉ lệ %		0.45	4.87	0.04	0.19	0.55	0.40	0.49	0.21	0.07	0.04	0.24	0.28	0.10	22.42		30.34
Tổng cộng			267	1701	5	59	106	182	243	146	20	81	80	35	63	5249	8237	
Tỉ lệ %			3.24	20.65	0.06	0.72	1.29	2.21	2.95	1.77	0.24	0.98	0.97	0.42	0.76	63.72		100.00

- Mảnh miệng đứng (LII): 63 mảnh, chiếm 0,76% tổng số mảnh miệng Đông Sơn. Miệng đứng, mép miệng dày, vê tròn, tạo thành gờ nổi phía ngoài mép miệng, thành miệng mỏng dần xuống dưới. Gốm có màu trắng xám hoặc đỏ nhạt, xương gốm màu đen pha cát khá mịn



Hình 4. Kiểu miệng gốm Đông Sơn (Nguồn: Tác giả)

*Mảnh thân: 119.142 mảnh vụn, chiếm tỷ lệ 92,11% tổng số mảnh gốm Đông Sơn .

*Mảnh chân đế: 1.963 mảnh, chiếm tỷ lệ 1,52% tổng số mảnh gốm Đông Sơn. Những chân đế được tìm thấy đều trong tình trạng bị vỡ, tách khỏi hiện vật ban đầu, phần nhiều không xác định được hình dáng. Về mặt loại hình, chân đế có hai loại: đứng và choãi. Cả hai loại này cũng được phân thành loại chân đế cao (trên 3cm) và chân đế thấp (dưới 3cm). Trong đó, chân đế choãi, thấp là loại hình phổ biến với 1.483 mảnh.

2. Hoa văn

2.1. Hoa văn trên gốm Tiền Đông Sơn

Hoa văn trên gốm giai đoạn Tiền Đông Sơn ở Vườn Chuối thu được 62.962 mảnh, chiếm tỷ lệ 23,07% tổng số mảnh gốm tiền Đông Sơn, gồm 4 nhóm chính: văn thừng, khắc vạch, khuôn nhạc, in chấm, ngoài ra còn có kiểu trang trí dải đai đắp nổi. Mỗi loại hoa văn lại có nhiều motif trang trí khác nhau và kết hợp với các loại khác tạo nên các dạng hình hoa văn rất phong phú và đa dạng. Trong các nhóm hoa văn, văn thừng chủ yếu là loại văn kỹ thuật, có số lượng chiếm tuyệt đại đa số, các nhóm khác là hoa văn trang trí mỹ thuật và chỉ chiếm tỷ lệ 10,86% tổng số mảnh gốm hoa văn Tiền Đông Sơn (Bảng 6).

- Văn thừng: 56.125 mảnh, chiếm tỷ lệ 89,14% tổng số mảnh gốm có hoa văn Tiền Đông Sơn. Văn thừng là văn loại văn kỹ thuật trong quá trình sản xuất đồ gốm nhằm tạo cho đồ gốm khi nung và khi sử dụng có chất lượng tốt, gốm bền chắc hơn. Loại hoa văn này luôn chiếm số lượng chủ đạo trong toàn bộ mảnh gốm có hoa văn được thu thập ở di chỉ Vườn Chuối qua các lần khai quật. Văn thừng gồm ba loại cơ bản là văn thừng thô (21.720 mảnh), văn thừng mịn (346 mảnh) và văn thừng kết hợp (1.969 mảnh). Trong số đó, văn thừng thô là nhóm chiếm tuyệt đại đa số, số mảnh gốm văn thừng kết hợp và văn thừng mịn chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Văn thừng cũng có thể dùng trang trí trên các bộ phận của đồ gốm như miệng, thân, chân đế, nhưng chủ yếu được dùng cùng với các công cụ làm gốm để tạo nên các loại văn kỹ thuật lưu dấu trên thân và đáy/đế của đồ đựng. Văn thừng được tạo thành theo nhiều cách thức khác nhau như đập trên thành miệng theo kiểu xương cá trang trí trên miệng gốm; tạo thành những đường thẳng song song trên thân gốm hay những đường thừng đập ngang dọc không theo một quy tắc nào trên thân và đáy gốm...

Bảng 6. Thống kê mảnh gốm tiền Đông Sơn trang trí hoa văn

Loại hình		Thùng			Khắc vạch						Khung nhạc					In chấm					Dài dài đáp nổi	Tổng	Tỉ %		
		Thùng thô	Thùng mịn	Thùng kết hợp	Khắc vạch	KV sóng nước	KV hình học	KV ô trám	KV kiểu Gò Mun	KV + chấm dài	Sóng nước	Chữ S	Đường thẳng ngắn	Đường tròn đồng tâm	KXD	In ô vuông	In nan đan	In chấm cuồng ra	In hình hạt	In chấm tròn					
Năm 2019	H1	8103	0	295	65	16	101	39	45	36	666	211	104	34	312	195	113	4	21	2	112	10474	16.64		
	H2	2504	49	53	187	2	22	6	135	20	28	8	2	3	4	214	3	11	0	1	61	3313	5.26		
	TD	20332	297	1621	435	10	50	25	310	81	488	103	55	5	94	208	69	176	18	5	234	24616	39.10		
	Σ	30939	346	1969	687	28	173	70	490	137	1182	322	161	42	410	617	185	191	39	8	407	38403			
				33254						1585						2117						1040			
				52.82										3.36						1.65		0.65			60.99
Năm 2020	H1	9371	0	666	255	1	16	25	91	20	142	39	24	5	26	113	39	76	3	3	119	11034	17.52		
	H2	2522	0	270	129	1	7	5	33	17	24	3	0	0	17	26	8	30	3	6	58	3159	5.02		
	H3	9827	0	215	45	21	6	1	3	2	89	26	5	0	17	4	32	6	36	0	31	10366	16.46		
	Tổng	21720	0	1151	429	23	29	31	127	39	255	68	29	5	60	143	79	112	42	9	208	24559			
				22871						678						417						385			
				36.33						1.08				0.66						0.61		0.33			39.01
Tổng cộng				56125						2263				2534						1425		615		62962	
Tỉ lệ %				89.14						3.59				4.02						2.26		0.98			100.0

Bảng 7. Thống kê mảnh gốm Đông Sơn trang trí hoa văn

HỒ		Văn Thùng			Văn in		Khắc vạch		Dài dài đáp nổi	Tổng	Tỉ lệ %
		Thùng thô	Thùng mịn	Thùng kết hợp	In ô vuông	In hình hạt	Khắc vạch sóng nước	Khắc vạch			
Năm 2019	H1	124	260	0	0	0	0	0	30	414	1.07
	H2	21681	2142	1300	0	638	0	72	25	25858	66.87
	Tổng	21805	2402	1300	0	638	0	72	55	26272	
	Tỷ lệ %		65.96			1.65		0.19	0.14		67.94
Năm 2020	H1	8169	58	734	19	0	7	136	19	9142	23.64
	H2	1402	18	289	3	0	4	37	3	1756	4.54
	H3	1277	49	140	0	0	0	35	0	1501	3.88
	Tổng	10848	125	1163	22	0	11	208	22	12399	
Tỷ lệ %			12136			22		219	0.06		32.06
Tổng cộng			37643			660		291	77	38671	
Tỉ lệ %			97.34			1.71		0.75	0.20		100.00

- Văn hình khuôn nhạc: 2.534 mảnh, chiếm tỷ lệ 4,02% tổng số mảnh gốm trang trí hoa văn Tiền Đông Sơn. Đây là loại hoa văn điển hình của gốm văn hóa Đông Đậu, thường có từ 3 đến 5 đường thẳng song song, cách đều nhau. Phổ biến là loại sóng nước đơn, thường được trang trí trên những mảnh miệng hay trên phần vai và thân đồ gốm. Hoa văn khuôn nhạc trên gốm Vườn Chuối chủ yếu bao gồm các loại: dải băng hình chữ S nằm ngang, dải băng hình chữ S thẳng đứng, chữ S biến thể nối đuôi nhau kiểu bện thừng... Hoa văn khuôn nhạc còn được thể hiện dưới dạng sóng nước, uốn lượn. Hoa văn sóng nước kết hợp với khuôn nhạc kiểu chữ S hình sâu đo, đó là những chữ S nối nhau tạo thành những đường không đứt đoạn. Kiểu sóng nước kết hợp với những kiểu chữ S đơn nằm xiên hoặc nằm ngang; sóng nước kết hợp với những đoạn thẳng cắt nhau ở đầu và giữa. Sóng nước còn kết hợp với những đoạn thẳng song song với nhau. Hoa văn khuôn nhạc còn có một motif quen thuộc là những vòng tròn đồng tâm, đường tròn xoắn ốc mặc dù số lượng mảnh ít (47 mảnh) nhưng lại là tiêu chí để xác định niên đại của gốm giai đoạn Đông Đậu điển hình hoặc Đông Đậu giai đoạn muộn.

- Văn khắc vạch: 2.263 mảnh, chiếm tỷ lệ 3,59% tổng số mảnh gốm tiền Đông Sơn có trang trí hoa văn. Văn khắc vạch chủ yếu được thể hiện trên miệng, thân, vai của đồ đựng. Một số loại hoa văn khắc vạch thường gặp trên đồ gốm di chỉ Vườn Chuối đó là: khắc vạch đơn, khắc vạch hình học (hình tam giác, hình vuông hay hình chữ nhật cách điệu), khắc vạch hình sóng nước, hình ô trám, hình kỷ hà, khắc vạch kết hợp chấm dài... Khắc vạch đơn bao gồm những đường thẳng song song và cắt nhau từng đôi một, hoặc tạo thành những mảng hoa văn hình ô vuông liền nhau, hay những đường chéo theo kiểu hình tam giác. Có những đường khắc vạch được tạo ra một cách tùy hứng trên nền văn thừng hay kiểu hoa văn hình xương cá trên thành miệng gốm. Khắc vạch đơn giản thường kết hợp với hoa văn khác như in chấm cuống rạ, văn thừng mịn, in chấm dài... để tạo thành những đồ án vô cùng phong phú và đẹp mắt. Trong số hoa văn khắc vạch đáng chú ý là 617 mảnh gốm trang trí các motif hoa văn khắc vạch cắt chéo nhau, khắc vạch hình xương cá hay các đường thẳng song song, chữ S đơn nằm nghiêng và khắc vạch kết hợp chấm cuống rạ... là loại hoa văn mang đặc trưng của văn hóa Gò Mun. Ngoài ra, trong đợt khai quật năm 2019, đã phát hiện một số mảnh gốm còn bảo lưu được truyền thống trang trí khắc vạch kết hợp in chấm kiểu Phùng Nguyên.

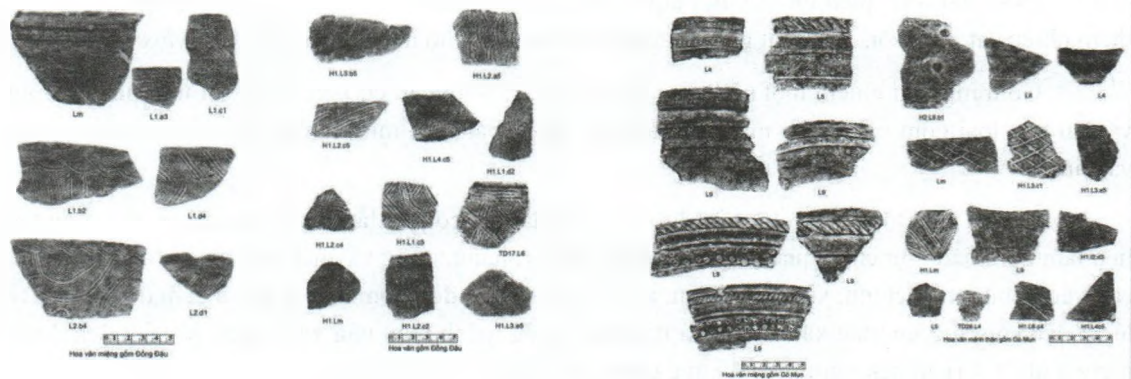
- Văn in chấm: 1.425 mảnh, chiếm tỷ lệ 2,26% tổng số mảnh gốm tiền Đông Sơn trang trí hoa văn, với các motif: in ấn đầu que giả ô vuông/in ô vuông, in nan đan, in chấm cuống rạ, in hình hạt... Đáng chú ý là các loại:

Văn in chấm cuống rạ: 303 mảnh, được tạo ra bằng cách ấn những ống tròn nhỏ lên bề mặt gốm tạo thành những đường tròn độc lập có đường kính từ 0,2-0,5cm, trang trí ở mặt trong của miệng gốm với cách sắp xếp tương đối đều đặn thành một hàng, hai hàng thậm chí thành ba hàng. Hoa văn thường được kết hợp với hoa văn khắc vạch hình học, khi đó hoa văn in cuống rạ nằm ở vị trí xen kẽ các motif khắc vạch, motif hình học. Đặc biệt, hoa văn in hình cuống rạ còn được phối hợp với hoa văn khắc vạch hình xương cá trang trí bên mặt trong của miệng gốm Gò Mun.

Văn in hình hạt: 81 mảnh, là những đường chấm hình hạt có độ dài khoảng 0,2cm tạo thành những đường thẳng đơn, có khi tạo thành những đường thẳng, đường chéo song song với nhau, thậm chí còn tạo thành hình bình hành hay những đường thẳng song song... bằng cách ấn một chiếc que to nhiều răng lên đồ gốm. Loại hoa văn này thường được trang trí trên loại miệng loe cong hay kiểu miệng đứng, thành dày và chủ yếu trang trí ở mặt trong đồ gốm Đông Đậu.

Văn in nan đan: 264 mảnh, chủ yếu xuất hiện ở đáy đồ gốm, nhất là loại đồ đựng đáy bằng, dấu in thường rất rõ nét với các kiểu đan lồng một, lồng đôi. Đây là một trong những loại hình hoa văn đặc trưng của đồ gốm thuộc văn hóa Đông Sơn.

- Văn dải đai đắp nổi: 615 mảnh, chiếm tỷ lệ 0,98% tổng số mảnh gốm hoa văn Tiền Đông Sơn, được tạo thành bởi những dải đất sét nhỏ đắp/đắp lên bề mặt phiôi gốm khi còn ướt, tạo thành một đường gờ nổi trang trí cho miệng, vai của đồ gốm.



Hoa văn gốm Đông Sơn

Hoa văn gốm Gò Mun

Hình 5. Hoa văn gốm Tiền Đông Sơn (Nguồn: Tác giả)

2.2. Hoa văn trên gốm Đông Sơn

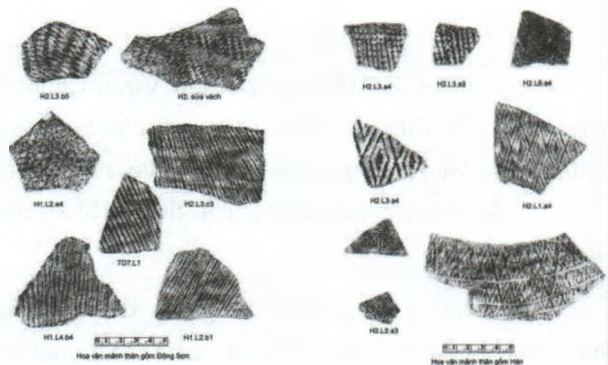
Hoa văn trên gốm Đông Sơn ở Vườn Chuối thu được 38.671 mảnh, chiếm tỷ lệ 29,90% tổng số mảnh gốm Đông Sơn, với hai nhóm chính: hoa văn kỹ thuật và hoa văn trang trí. Trong đó văn kỹ thuật chiếm tuyệt đại đa số với 37.643 mảnh, chiếm tỷ lệ 97,34% tổng số mảnh gốm có hoa văn giai đoạn Đông Sơn (Bảng 7).

Hoa văn kỹ thuật đều là văn thừng với các biến thể khác nhau: văn thừng thô và rất thô chiếm vị trí chủ đạo với 32.653 mảnh; 2.527 mảnh văn thừng mịn; và 2.463 mảnh văn thừng kết hợp.

Hoa văn trang trí: 1028 mảnh, chiếm tỷ lệ rất nhỏ với 2,66% tổng số mảnh gốm có hoa văn, bao gồm: 638 mảnh trang trí văn in hình hạt, 291 mảnh trang trí hoa văn khắc vạch đơn

và khắc vạch sóng nước, 77 mảnh trang trí dải đai đắp nổi. Đặc biệt, ở đợt khai quật năm 2020-2021 đã thu được 22 mảnh gốm văn in ô vuông kiểu Hán nằm ở lớp trên của văn hóa Đông Sơn.

Tóm lại, so với gốm giai đoạn Tiền Đông Sơn, gốm Đông Sơn mang tính thực dụng cao, ít trang trí cầu kỳ, hoa văn nghèo nàn hơn giai đoạn trước, chủ yếu là văn thừng kỹ thuật lưu dấu trên thân đồ gốm.



Hình 5. Hoa văn gốm Đông Sơn và Hậu Đông Sơn

(Nguồn : Tác giả)

3. Chất liệu và màu sắc

Đồ gốm tại di chỉ Vườn Chuối đều thuộc chất liệu gốm chắc, chỉ riêng năm 2020 phát hiện được 15 mảnh gốm xốp. Gốm chắc là loại gốm được làm từ đất sét có pha thêm cát nhằm mục đích bớt dính, dễ tạo hình, chịu được độ nung cao và ít bị rạn nứt biến dạng trong quá trình nung hiện vật. Gốm chắc được chia thành 2 dòng chính là gốm thô và gốm mịn, trong đó gốm thô chiếm vị trí áp đảo so với gốm mịn.

Gốm thô phát hiện tại di chỉ Vườn Chuối thành phần chủ yếu bao gồm đất sét thô có pha thêm nhiều cát, sạn, sỏi..., bề mặt gốm thường thô ráp, gốm thô thường có màu xám và xám đen.

Gốm mịn chỉ chiếm một số lượng khiêm tốn, thành phần cơ bản là đất sét mịn pha cát mịn và đều hạt, loại gốm này có bề mặt khá đánh và chắc, loại gốm mịn thường có màu xám đen, xám và nâu đỏ.

Gốm Tiền Đông Sơn chủ yếu được làm từ đất sét có pha lẫn nhiều cát sỏi to, thô, nguyên liệu làm gốm hầu như chưa qua sàng lọc nên gốm dày, nặng, cứng và chắc. Gốm có nhiều màu sắc, chủ yếu là bốn màu chính: xám, xám đen, xám trắng và nâu đỏ. Gốm màu xám và xám đen chiếm tỷ lệ áp đảo so với gốm màu xám trắng và nâu đỏ. Nhiều mảnh màu nâu xám, xám và xám đen được nung ở nhiệt độ cao nên xương gốm cứng chắc, gần cứng đánh như sành.

Khác với gốm Tiền Đông Sơn, gốm Đông Sơn được làm từ đất sét trộn với cát mịn và một số chất phụ gia khác, nguyên liệu sét làm gốm đã được sàng lọc rất kỹ càng, vì vậy, gốm thường mịn, mỏng và nhẹ hơn, gốm cứng đánh. Xương gốm mịn, màu xám đen và xám trắng, thường được phủ một lớp áo gốm bóng bên ngoài. Về màu sắc, gốm có màu xám mốc, xám hồng và xám, mặt bên trong của đồ gốm thường có màu xám, xám nhạt, trong đó gốm màu xám mốc (xám trắng) đặc trưng cho gốm Đường Cồ chiếm tỷ lệ cao nhất.

4. Kỹ thuật chế tạo

*Kỹ thuật tạo hình:

Trong các lần khai quật di chỉ Vườn Chuối chưa phát hiện được vết tích hay mảnh bản xoay, tuy nhiên dựa vào những vết tích còn lại trên đồ đựng như dấu vết của những đường chỉ chìm rất nhỏ được tạo gần mép miệng hay những đường khắc vạch tròn quanh đồ đựng, độ dày đều đặn của những mảnh gốm... cho thấy việc sử dụng bản xoay đã phổ biến ngay từ giai đoạn Tiền Đông Sơn.

Bên cạnh việc tạo hình bằng bản xoay, phương pháp tạo hình bằng tay vẫn được sử dụng phổ biến trong quá trình chế tạo đồ gốm. Trên một số mảnh gốm thuộc giai đoạn Tiền Đông Sơn còn lưu vết dấu tay của người thợ gốm. Nhiều hiện vật gốm được nặn hoang toàn bằng tay như chạc gốm, bi gốm, thoi gốm, dọi xe chỉ, chày lười... Một số loại đồ gốm có tai, thông thường tai gốm thường được nặn bằng tay trước khi đem gắn chặt vào hiện vật.

*Kỹ thuật tạo hoa văn:

Cư dân cổ Vườn Chuối trang trí hoa văn trên đồ gốm bằng nhiều phương pháp như đập, in chấm, in lăn, khắc vạch, đắp nổi và tạo hoa văn bằng hiệu ứng bản xoay với các đồ án hoa văn khác nhau khá độc đáo.

Tạo hoa văn bằng phương pháp đập, in chấm, in lăn: được sử dụng chủ yếu để tạo ra những loại hình hoa văn đơn giản như văn thùng, văn cuống rạ... Đối với văn thùng, người thợ gốm sử dụng những loại dây thùng thô hoặc mịn đập hoặc lăn đi lăn lại nhiều lần trên bề mặt của phôi gốm chưa khô để tạo hoa văn. Nhằm tránh cho đồ gốm bị bẹp hay biến dạng người ta còn sử dụng bàn kê để giữ sản phẩm lại. Đối với loại hoa văn cuống rạ, người thợ sử dụng những loại ống nhỏ có đường kính từ 0,2cm-0,5cm ấn nhẹ lên đồ gốm tạo hoa văn.

Tạo hoa văn bằng phương pháp khắc vạch: là kỹ thuật được sử dụng tạo ra nhiều loại hoa văn khác nhau như khắc vạch đơn giản, khắc vạch chấm dải, hoa văn chữ S... Kỹ thuật khắc vạch thực chất là quá trình sử dụng que nhọn nhỏ bằng tre hoặc bằng gỗ, có một hoặc nhiều răng khắc vạch trực tiếp lên đồ gốm. Trong quá trình tạo hoa văn cho đồ gốm yêu cầu đồ gốm phải chưa khô hẳn và thời gian thực hiện ngắn nếu không sẽ không thể tạo được hoa văn. Đây là kỹ thuật tạo hoa văn khó đòi hỏi tay nghề cao, trí tưởng tượng và khả năng thể hiện tinh tế.

Tạo hoa văn bằng kỹ thuật đắp nổi: được sử dụng để đắp thêm các đường gờ nổi ở vai, phía ngoài vành miệng. Người thợ làm gốm phải đắp thêm khi bề mặt chưa khô, sau đó dùng tay miết để che độ gồ gề. Kỹ thuật này thường được phụ trợ cùng với kỹ thuật đập văn thùng.

Tạo hoa văn bằng hiệu ứng bàn xoay: là kỹ thuật dùng để tạo các đường khắc vạch chỉ chìm chạy song song miệng hoặc vai đồ gốm, giúp người thợ gốm tạo ra những khoảng giới hạn để trang trí hoa văn. Loại này chỉ được tạo với đồ gốm làm từ bàn xoay.

Kết luận

Sưu tập đồ gốm từ hai đợt khai quật di chỉ Vườn Chuối thực hiện trong năm 2019-2021 đã cung cấp một nguồn tư liệu quý cho quá trình nghiên cứu sự diễn biến văn hóa và các giai đoạn phát triển của một trong những địa điểm khảo cổ học có niên đại sớm nhất ở Hà Nội nói riêng và khu vực đồng bằng Bắc bộ nói chung. Căn cứ vào diễn biến của đồ gốm trên địa tầng di tích qua hai lần khai quật, có thể khẳng định đồ gốm ở di chỉ Vườn Chuối có sự phát triển liên tục từ văn hóa Đồng Đậu, giai đoạn chuyển tiếp từ Đồng Đậu - Gò Mun, Gò Mun điển hình rồi đến Đông Sơn và Hậu Đông Sơn. Sự phát triển và số lượng mảnh gốm các giai đoạn Đồng Đậu - Gò Mun - Đông Sơn ở các hố khai quật mở ở những vị trí khác nhau của di tích cũng có diễn biến không giống nhau, thể hiện sự dịch chuyển khu vực cư trú khá rõ nét của cư dân Vườn Chuối qua các giai đoạn.

Về mặt loại hình và hoa văn, sự diễn tiến liên tục và kế tiếp nhau của các dạng hình đồ gốm mang tính chuyển tiếp từ giai đoạn Phùng Nguyên sang giai đoạn Đồng Đậu sớm; sự xuất hiện những mảnh gốm giai đoạn Đồng Đậu chuyển tiếp sang giai đoạn Gò Mun; sự chuyển tiếp giữa giai đoạn Gò Mun sang giai đoạn Đông Sơn; từ giai đoạn Đông Sơn sớm đến giai đoạn Đông Sơn muộn và Hậu Đông Sơn thể hiện rất rõ nét qua các đồ gốm nơi đây góp phần khẳng định Vườn Chuối là một ngôi làng Việt cổ có quá trình hình thành và phát triển lâu dài. Dạng hình di tích với nhiều giai

đoạn văn hóa Tiền - Sơ sử phát triển liên tục như ở Vườn Chuối rất hiếm gặp ở Hà Nội và cả đồng bằng châu thổ Bắc Bộ.

Nghiên cứu về đồ gốm ở Vườn Chuối, có thể khẳng định nghề sản xuất đồ gốm là một nghề thủ công giữ vai trò quan trọng trong đời sống của cư dân Vườn Chuối. Sự phong phú về loại hình, đa dạng về chủng loại, tinh tế trong hoa văn... còn phản ánh sự thuần thục về tay nghề và tư duy thẩm mỹ của cư dân Vườn Chuối xưa. Sự phát triển của nghề sản xuất gốm đã cho thấy đã có sự chuyên môn hoá nhất định trong phân công lao động xã hội bên cạnh nghề nông, đánh cá, chế tác công cụ bằng đá, đan lát....

Tóm lại, kết quả nghiên cứu đồ gốm từ các đợt khai quật ở Vườn Chuối, đặc biệt là từ hai đợt khai quật năm 2019 và 2020-2021 đã đem lại những kết quả và tư liệu mới cho công tác nghiên cứu khảo cổ học, góp phần làm sáng tỏ lịch sử Hà Nội thời Tiền - Sơ sử.

TÀI LIỆU DẪN

- NGUYỄN THỊ THANH DỊU, BÙI HỮU TIẾN, LÂM MỸ DUNG 2012. Khai quật lần thứ V di chỉ Vườn Chuối (Hoài Đức, Hà Nội). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2011*. Nxb. KHXH, Hà Nội: 159-160.
- LÂM MỸ DUNG, BÙI HỮU TIẾN, NGUYỄN KỶ NAM 2011. Kết quả khai quật Vườn Chuối (Hà Nội) lần thứ ba (2009). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2010*, Nxb. KHXH, Hà Nội: 154-156.
- LÂM MỸ DUNG, BÙI HỮU TIẾN, NGUYỄN THỊ BÍCH HƯỜNG, BÙI VĂN HÙNG, ĐÀO MAI HUYỀN 2015. Kết quả khai quật di tích Vườn Chuối xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội lần thứ 7. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2014*. Nxb. KHXH, Hà Nội: 148-152.
- BÙI VĂN LIÊM, LÂM MỸ DUNG, NGUYỄN NGỌC QUÝ và cộng sự 2021. Kết quả thăm dò, khai quật di chỉ Vườn Chuối (Hoài Đức, Hà Nội) năm 2019. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2020*. Nxb. KHXH, Hà Nội.
- BÙI VĂN LIÊM, LÂM MỸ DUNG, NGUYỄN DOÃN VĂN 2021, Nghiên cứu phương án bảo tồn cụm di chỉ Vườn Chuối (Hoài Đức, Hà Nội) năm 2019-2020. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2020*. Nxb. KHXH, Hà Nội.

CERAMICS FROM 2019 - 2021 EXCAVATION OF VƯỜN CHUỐI SITE (HÀ NỘI): DATA AND PERCEPTION

NGUYỄN ANH THƯ

The article refers to the research on the collection of ceramics from the two excavations in 2019 and 2020 at the Vườn Chuối site demonstrate the characteristics of types, materials, designs and ceramics-making techniques, and thereforward, their impact and ceramics making on the human life at the site from the Pre-Đông Sơn to Đông Sơn periods has been studies. As a result, the ceramics from the Vườn Chuối site demonstrate a continuous development from the Đông Đậu culture, the transitional period from Đông Đậu - Gò Mun, typical Gò Mun to Đông Sơn and post- Đông Sơn cultures. Their distribution shows a clear movement in the residential area through the historical periods. The development of ceramics making is associated with the social labor division and serves as one of the important criteria for identifying development of agriculture and sedentary life.